

Số: 101/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và sử dụng biểu mẫu lý lịch tư pháp

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 68/2020/QH14 và Luật số 107/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 216/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và sử dụng biểu mẫu lý lịch tư pháp.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định đối tượng, cách thức xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, hình thức hiển thị thông tin lý lịch tư pháp trên Ứng dụng định danh quốc gia; ban hành các loại biểu mẫu; quy định sử dụng biểu mẫu lý lịch tư pháp.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp thống nhất, tập trung, lưu trữ lâu dài, phù hợp với khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, khung kiến trúc dữ liệu Bộ Công an, các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật; đảm bảo tính đồng bộ và khả năng kết nối, chia sẻ giữa các cơ sở dữ liệu có liên quan.

2. Sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, sử dụng biểu mẫu lý lịch tư pháp, thực hiện trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cung cấp

thông tin lý lịch tư pháp, hiển thị thông tin lý lịch tư pháp phải đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ bí mật cá nhân, thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý.

3. Nghiêm cấm hành vi tự ý chỉnh sửa làm sai lệch thông tin trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, biểu mẫu lý lịch tư pháp.

4. Dữ liệu lý lịch tư pháp phải ký số xác thực trước khi chia sẻ, được hệ thống ghi nhận, lưu trữ nhật ký tại thời điểm chia sẻ.

Điều 3. Chế độ thống kê, báo cáo

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp có trách nhiệm thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về việc quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp định kỳ theo quy định của pháp luật về chế độ thống kê báo cáo.

2. Nội dung thống kê:

a) Công tác số hóa, làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa, dồn trùng dữ liệu lý lịch tư pháp;

b) Công tác tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp, lập lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp, xác minh thông tin lý lịch tư pháp;

c) Công tác sao lưu dữ liệu lý lịch tư pháp;

d) Công tác khai thác thông tin lý lịch tư pháp thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu; sử dụng thông tin lý lịch tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Điều 4. Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại thông tin, tài liệu lý lịch tư pháp

1. Thông tin, tài liệu lý lịch tư pháp được tiếp nhận bao gồm:

a) Thông tin được số hóa từ văn bản chứa thông tin lý lịch tư pháp và thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an các tỉnh, thành phố (sau đây gọi là Công an cấp tỉnh) thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu;

b) Văn bản chứa thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh.

2. Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tiến hành xử lý thông tin trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi thông tin, tài liệu do các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu, qua trực văn bản điện tử hoặc các hình thức khác được truyền đến theo thời gian thực.

3. Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp, tài liệu số hóa, tài liệu bản giấy theo phân quyền.

a) Cục Hồ sơ nghiệp vụ tiếp nhận thông tin, tài liệu lý lịch tư pháp từ Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các cơ quan thuộc Bộ Quốc

phòng, Trại giam, Trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

b) Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh nơi Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực, Trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh, Cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh có trụ sở tiếp nhận thông tin, tài liệu lý lịch tư pháp từ cơ quan đó.

4. Sau khi tiếp nhận thông tin, tài liệu về lý lịch tư pháp do các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp, Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh tiến hành kiểm tra đầy đủ các thông tin nhận được, đối chiếu với dữ liệu đã có, phân loại, xử lý thông tin:

a) Lập lý lịch tư pháp trong trường hợp chưa lập lý lịch tư pháp;

b) Cập nhật, bổ sung hoặc chỉnh sửa thông tin trong trường hợp đã lập lý lịch tư pháp;

c) Đề nghị xác minh thông tin trong trường hợp thông tin có sự chênh lệch, chưa rõ ràng.

Điều 5. Lập lý lịch tư pháp

1. Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh lập lý lịch tư pháp đối với các thông tin, tài liệu do đơn vị tiếp nhận theo quy định tại Điều 26 và Điều 38 Luật Lý lịch tư pháp.

2. Lý lịch tư pháp (Biểu mẫu số 01) được lập dưới dạng dữ liệu điện tử.

Mỗi lý lịch tư pháp có một mã số duy nhất để quản lý. Mã số Lý lịch tư pháp là số định danh cá nhân của công dân Việt Nam, số định danh người nước ngoài, số định danh cá nhân cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch do hệ thống định danh và xác thực điện tử cung cấp.

Trường hợp lập lý lịch tư pháp cho người chưa có định danh cá nhân, hệ thống thông tin lý lịch tư pháp tự động sinh ra mã số phù hợp với quy tắc về cấp số định danh cá nhân.

3. Lập Lý lịch tư pháp của người bị kết án trên cơ sở bản án có hiệu lực pháp luật.

a) Trường hợp nhận được quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm thì lập lý lịch tư pháp trên cơ sở bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

b) Trường hợp bản án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại thì chưa lập lý lịch tư pháp mà chờ bản án có hiệu lực pháp luật để lập lý lịch tư pháp.

c) Trường hợp không lập lý lịch tư pháp:

Trường hợp nhận được bản án hình sự, trích lục bản án hình sự có hiệu lực pháp luật tuyên bố cáo vô tội hoặc tuyên miễn trách nhiệm hình sự;

Trường hợp nhận được bản án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án;

Trường hợp nhận được quyết định đình chỉ việc chấp hành án phạt tù trong trường hợp người đang chấp hành án phạt tù chết, thông báo phạm nhân chết trước khi nhận được bản án, trích sao bản án hình sự hoặc các quyết định, giấy chứng nhận khác có liên quan đến án tích của người đó;

Trường hợp nhận được quyết định thi hành án tử hình trước khi nhận được bản án hoặc trích lục bản án hình sự hoặc các quyết định, giấy chứng nhận khác có liên quan đến án tích của người đó.

4. Lập lý lịch tư pháp của người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trên cơ sở quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án.

Điều 6. Cập nhật thông tin lý lịch tư pháp

1. Trách nhiệm cập nhật thông tin lý lịch tư pháp

a) Cục Hồ sơ nghiệp vụ cập nhật thông tin án tích đối với các thông tin, tài liệu do Cục Hồ sơ nghiệp vụ tiếp nhận.

Trường hợp nhận được thông báo về việc thi hành án phạt trực xuất, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì Cục Hồ sơ nghiệp vụ cập nhật thông tin theo thông báo, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm.

Trường hợp công dân Việt Nam đã có lý lịch tư pháp mà sau đó nhận được trích lục bản án hoặc trích lục án tích của người đó do Viện kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp thì Cục Hồ sơ nghiệp vụ cập nhật thông tin về trích lục bản án hoặc trích lục án tích đó như một bản án tiếp theo vào lý lịch tư pháp của người đó.

Trường hợp nhận được thông báo về quyết định đặc xá, đại xá, miễn giảm hình phạt của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam thì Cục Hồ sơ nghiệp vụ cập nhật thông tin về việc đặc xá, đại xá, miễn giảm hình phạt vào lý lịch tư pháp của người bị kết án.

b) Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh cập nhật thông tin án tích đối với các thông tin, tài liệu do Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh tiếp nhận.

2. Cập nhật thông tin của cá nhân người được lập lý lịch tư pháp

Thông tin của cá nhân người được lập lý lịch tư pháp được xác thực thông qua kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bao gồm thông tin về nhân thân, thông tin về hộ tịch của người được lập lý lịch tư pháp.

3. Cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bao gồm:

a) Cập nhật thông tin chung về án tích bao gồm: tình trạng án tích theo Điều 42 Luật Lý lịch tư pháp, tình trạng án tích theo Điều 43 Luật Lý lịch tư pháp;

b) Cập nhật thông tin cụ thể về án tích theo từng bản án, bao gồm:

Nội dung bản án: cập nhật số bản án, ngày tuyên án, Tòa án đã tuyên bản án, tội danh, điều khoản Bộ luật Hình sự được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự, biện pháp tư pháp (nếu có), án phí, thời điểm chấp hành hình phạt chính.

Tình trạng thi hành án: cập nhật nội dung số quyết định hoặc giấy chứng nhận, ngày ra quyết định hoặc chứng nhận, Tòa án ra quyết định, cơ quan chứng nhận, nội dung quyết định hoặc giấy chứng nhận, các thông tin khác của các quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo liên quan đến quá trình thi hành án.

Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm: cập nhật nội dung của 02 loại Quyết định Giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định tại Điều 28 Luật Lý lịch tư pháp. Trường hợp kết quả giám đốc thẩm, tái thẩm giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì cập nhật “giữ nguyên bản án, quyết định”. Trường hợp kết quả giám đốc thẩm, tái thẩm chỉnh sửa một phần bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì cập nhật phần bản án, quyết định mới theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm.

Hành vi phạm tội mới: cập nhật thông tin về số quyết định, ngày ra quyết định, cơ quan ra quyết định, nội dung quyết định, ghi chú (nếu có) đối với các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Lý lịch tư pháp.

Xóa án tích: cập nhật nội dung của quyết định xóa án tích của Tòa án trong trường hợp nhận được quyết định xóa án tích. Cập nhật nội dung kết quả xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích trong trường hợp có đủ thông tin, tài liệu chứng minh các điều kiện xóa án tích theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Lý lịch tư pháp.

c) Cập nhật thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Cập nhật thông tin các quyết định tuyên bố phá sản theo trình tự thời gian. Khi hết thời hạn cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì cập nhật thông tin về việc đã hết thời hạn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

Điều 7. Số hóa tài liệu lý lịch tư pháp nhận được từ các cơ quan có liên quan

1. Cục Hồ sơ nghiệp vụ có trách nhiệm thực hiện số hóa đối với tài liệu bản giấy do Cục Hồ sơ nghiệp vụ tiếp nhận. Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh có trách nhiệm số hóa đối với tài liệu bản giấy do Công an cấp tỉnh tiếp nhận.

2. Việc thực hiện chuyển đổi giấy tờ, tài liệu số hóa thành dữ liệu phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, giao dịch điện tử, chỉ được thu thập dữ liệu từ giấy tờ tài liệu là bản gốc, bản chính hoặc bản sao hợp pháp trong trường hợp không còn bản gốc, bản chính.

3. Trường hợp thông tin tại tài liệu bản giấy được tiếp nhận có điểm sai khác với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp xác minh thông tin. Sau khi có kết quả xác minh, tiến hành số hóa tài liệu.

4. Bản số hóa tài liệu lý lịch tư pháp phải gắn với từng lý lịch tư pháp đã được lập.

5. Tài liệu lý lịch tư pháp bản giấy được đưa vào lưu trữ trong tầng thư căn cước can phạm tại Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh sau khi kiểm tra và thực hiện số hóa.

Điều 8. Kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan

1. Cục Hồ sơ nghiệp vụ có trách nhiệm:

- a) Tổ chức cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tập trung, thống nhất;
- b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất giải pháp kỹ thuật để thực hiện việc kết nối, chia sẻ thông tin;
- c) Quy định tiêu chuẩn, định mức đối với các thủ tục đăng ký dịch vụ kết nối đối với các cơ quan, tổ chức có yêu cầu khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp;
- d) Tổ chức thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu khác có liên quan theo khung kiến trúc, cấu trúc dữ liệu lý lịch tư pháp, danh mục dùng chung và các quy định có liên quan.

2. Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh tiếp nhận, xử lý các thông tin thu thập được từ các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có liên quan thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu theo phân quyền. Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh có trách nhiệm đồng bộ, cập nhật kịp thời trạng thái, thông tin lý lịch tư pháp của cá nhân ngay khi có sự thay đổi, điều chỉnh.

3. Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cục An ninh điều tra, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm thu thập, tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu do mình quản lý và kết nối, chia sẻ thông tin về lý lịch tư pháp.

a) Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng có trách nhiệm cung cấp thông tin thi hành án quy định tại Điều 15 Luật Lý lịch tư pháp.

b) Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục An ninh điều tra có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại Điều 33 Luật Lý lịch tư pháp.

c) Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm cung cấp thông tin cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

d) Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm cung cấp thông tin nhân thân, thông tin cư trú của công dân và chia sẻ dữ liệu hộ tịch, hiển thị thông tin lý lịch tư pháp do Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp chia sẻ dữ liệu trên Ứng dụng định danh quốc gia.

4. Trung tâm dữ liệu quốc gia có trách nhiệm kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; kết nối, chia sẻ thông tin lý lịch tư pháp cho các cơ quan, tổ chức có nhu cầu theo đúng thẩm quyền.

5. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan thực hiện thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; trực liên thông văn bản quốc gia tùy thuộc vào thời điểm sẵn sàng cung cấp dịch vụ của nền tảng.

Điều 9. Xác thực thông tin khi tạo lập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Khi tạo lập, cập nhật hoặc chỉnh sửa thông tin đã được cập nhật vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, cán bộ được phân quyền có trách nhiệm cập nhật thông tin, lý do chỉnh sửa, đính kèm tài liệu chứng minh (nếu có). Hệ thống ghi nhận thời điểm, người tác động vào thông tin lý lịch tư pháp.

2. Việc chỉnh sửa thông tin đã được cập nhật vào dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử chỉ được thực hiện khi có sự phê duyệt của lãnh đạo có thẩm quyền thuộc Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh theo phân cấp.

Điều 10. Sao lưu và bảo vệ cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Cục Hồ sơ nghiệp vụ thực hiện sao lưu cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp định kỳ và thường xuyên để đảm bảo vận hành thông suốt, có khả năng khôi phục hệ thống, phục hồi dữ liệu khi xảy ra sự cố.

a) Thực hiện sao lưu hàng ngày đối với dữ liệu mới phát sinh.

b) Thực hiện sao lưu đầy đủ cơ sở dữ liệu vào ngày thứ 6 mỗi tuần.

2. Dữ liệu sao lưu phải được lưu trữ tại hệ thống dự phòng đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.

3. Việc truy cập, khai thác dữ liệu sao lưu phải có sự phê duyệt của lãnh đạo có thẩm quyền thuộc Cục Hồ sơ nghiệp vụ.

4. Cục Hồ sơ nghiệp vụ thực hiện kiểm tra, rà soát dữ liệu lý lịch tư pháp đã sao lưu định kỳ hằng quý và phục hồi dữ liệu từ bản sao lưu theo quy định 06 tháng một lần.

5. Cục Hồ sơ nghiệp vụ có trách nhiệm xây dựng các giải pháp kỹ thuật, quy trình vận hành hệ thống; quản trị, vận hành, an ninh, an toàn thông tin, lưu trữ dữ liệu; quản lý hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin tại cấp bộ.

Điều 11. Trách nhiệm sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phục vụ việc thực hiện thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp, rà soát việc tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, thực hiện chế độ thống kê, báo cáo.

2. Cán bộ thuộc Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp được sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo phân quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

3. Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức) sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phục vụ việc thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp, hỗ trợ công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức hoặc phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm khai báo tên cơ quan, tổ chức và mục đích sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Chương III **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP** **VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

Điều 12. Trình tự tiếp nhận, xử lý yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tuyến

1. Công dân Việt Nam có tài khoản định danh điện tử mức độ 2, người nước ngoài có tài khoản định danh điện tử, cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc người mà mình giám hộ thực hiện thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

2. Trình tự thực hiện:

a) Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp đăng nhập vào Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia để tạo yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp;

b) Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia tự động điền thông tin của người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vào Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác (Biểu mẫu số 04 hoặc Biểu mẫu số 05). Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu kiểm tra thông tin cá nhân và khai các thông tin: loại Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp; yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1; thông tin đối tượng nộp phí, đính kèm giấy tờ chứng minh đối tượng miễn, giảm phí (nếu có);

c) Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia tự động áp phí theo đối tượng nộp phí. Cá nhân thanh toán phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp trên nền tảng thanh toán điện tử;

d) Cổng Dịch vụ công quốc gia tự động đồng bộ thông tin yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp sang phần mềm giải quyết thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp;

đ) Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp tự động tiếp nhận yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến theo thẩm quyền của Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp kiểm tra thông tin giấy tờ chứng minh đối tượng miễn, giảm phí. Trường hợp thông tin giấy tờ chứng minh

đối tượng miễn, giảm phí không hợp lệ, Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp từ chối tiếp nhận yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và nêu rõ lý do từ chối;

e) Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp tự động đối soát thông tin với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Trường hợp kết quả tra cứu, đối soát không có thông tin án tích và thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc có thông tin trùng khớp, đầy đủ về lý lịch tư pháp theo quy định của Bộ luật Hình sự và Luật Lý lịch tư pháp, phần mềm giải quyết thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp tự động kết xuất Phiếu lý lịch tư pháp (Biểu mẫu số 06 hoặc Biểu mẫu số 07).

Trường hợp có thông tin cần xác minh, làm rõ thì phần mềm giải quyết thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp kích hoạt quy trình xác minh thông tin theo quy định tại Điều 16 Thông tư này. Sau khi có kết quả xác minh, phần mềm tự động kết xuất Phiếu lý lịch tư pháp;

g) Cục trưởng Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Giám đốc Công an cấp tỉnh hoặc người được ủy quyền thực hiện duyệt, ký Phiếu lý lịch tư pháp. Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp tự động ký số xác thực dữ liệu và đồng bộ kết quả Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử sang Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia để trả kết quả, đồng thời hiển thị thông tin lý lịch tư pháp trên tài khoản định danh điện tử của cá nhân được cấp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử.

Điều 13. Trình tự tiếp nhận, xử lý yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính

1. Công dân Việt Nam chưa có tài khoản định danh điện tử mức độ 2, người nước ngoài, cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cha, mẹ, vợ, chồng, con, người mà mình giám hộ hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Trình tự thực hiện:

a) Cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp khai đầy đủ thông tin Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (Biểu mẫu số 02 hoặc Biểu mẫu số 03) và nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 22 Nghị định số 216/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. Hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp gồm: Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp; văn bản ủy quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong trường hợp ủy quyền; giấy tờ chứng minh đối tượng miễn, giảm phí (nếu có);

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp: đối tượng yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, chứng thực chữ ký, văn bản ủy quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại Điều 45 Luật Lý lịch tư pháp, các văn bản, giấy tờ kèm theo;

c) Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp tiếp nhận hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc từ chối yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng văn bản theo Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Biểu mẫu số 10) trong trường hợp hồ sơ đủ thành phần, đầy đủ thông tin và hợp lệ. Trường hợp cá nhân yêu cầu cấp đồng thời cả Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và Phiếu lý lịch tư pháp số 2 phải nộp 02 bộ hồ sơ và thanh toán phí theo quy định của pháp luật.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng văn bản, nêu rõ lý do theo Phiếu yêu cầu bổ sung thông tin, hoàn thiện hồ sơ (Biểu mẫu số 11) trong trường hợp hồ sơ chưa đủ và đúng theo quy định; hướng dẫn cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoàn thiện hồ sơ để nộp lại. Trường hợp không bổ sung thông tin sau 15 ngày, Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp đóng hồ sơ, thông báo cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp từ chối tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng văn bản, nêu rõ lý do theo Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ (Biểu mẫu số 12) trong trường hợp không đủ điều kiện, giấy tờ đính kèm không hợp lệ;

d) Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp thu phí cung cấp thông tin của người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và xuất biên lai điện tử;

đ) Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp xử lý hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp; tra cứu, xác định tình trạng án tích, thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có), xác minh thông tin theo quy định tại Điều 16 Thông tư này trong trường hợp có thông tin cần xác minh để lập Phiếu lý lịch tư pháp;

e) Cục trưởng Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Giám đốc Công an cấp tỉnh hoặc người được ủy quyền thực hiện duyệt, ký Phiếu lý lịch tư pháp. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp trả kết quả Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu theo hình thức mà người đó đề nghị trong Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, đồng thời cập nhật, lưu trữ kết quả cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Trường hợp yêu cầu trả Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải đảm bảo bí mật đời tư của người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, phối hợp chặt chẽ với đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trả Phiếu lý lịch tư pháp cho đúng cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Điều 14. Gia hạn thời gian giải quyết cấp Phiếu lý lịch tư pháp; đính chính, thu hồi, hủy Phiếu lý lịch tư pháp

1. Đối với hồ sơ cấp Phiếu lý lịch tư pháp dự kiến quá hạn giải quyết do cần xác minh, trong thời hạn chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn, Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp thông báo bằng văn bản theo Phiếu xin lỗi

và đề nghị gia hạn thời gian giải quyết (Biểu mẫu số 13), nêu rõ lý do và thời gian đề nghị gia hạn theo quy định về giải quyết thủ tục hành chính.

2. Cá nhân có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp đình chính, thu hồi, hủy Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại Điều 50 Luật Lý lịch tư pháp.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp có trách nhiệm nêu rõ lý do và gửi thông báo cho người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp, đồng thời thông báo cho các bên liên quan và kiến nghị xử lý theo thẩm quyền nếu phát hiện vi phạm trong trường hợp Phiếu lý lịch tư pháp đã cấp có nội dung không chính xác hoặc trái pháp luật.

Thủ trưởng của Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp ký Quyết định hủy bỏ Phiếu lý lịch tư pháp đã cấp (Biểu mẫu số 08) có nội dung không chính xác và cấp lại Phiếu lý lịch tư pháp mới cho công dân.

Điều 15. Cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

1. Thông tin lý lịch tư pháp được Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cung cấp thông qua Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp hoạt động trên môi trường internet tại địa chỉ công khai do Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Bộ Công an công bố.

2. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan, tổ chức đăng nhập vào Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp bằng tài khoản định danh tổ chức được xác thực thông qua nền tảng định danh và xác thực điện tử; khai báo thông tin cá nhân của người cần cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; mục đích yêu cầu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; yêu cầu xác nhận về nội dung cam đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có);

b) Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp tự động kiểm tra nội dung yêu cầu khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức: cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Luật Lý lịch tư pháp và các thông tin cơ quan, tổ chức đã khai báo.

Trường hợp nội dung mà cơ quan, tổ chức khai báo chưa đầy đủ, chính xác, Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp tự động yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa thông tin.

Trường hợp nội dung yêu cầu khai thác thông tin đầy đủ, chính xác, Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp tự động đối soát thông tin;

c) Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp tự động thực hiện đối soát thông tin với cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, xác định tình trạng án tích, thông tin về cam đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có).

Trường hợp kết quả đối soát không có thông tin án tích, thông tin về cam đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc có thông tin đầy đủ về lý lịch tư pháp, Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp tự động hiển thị kết quả thông tin lý lịch tư pháp.

Trường hợp có thông tin nhưng cần xác minh, làm rõ thì hệ thống hiển thị thông báo chờ xác minh và kích hoạt quy trình xác minh thông tin theo quy định tại Điều 16 Thông tư này. Sau khi có kết quả xác minh, hệ thống thông tin lý lịch tư pháp tự động hiển thị kết quả thông tin lý lịch tư pháp;

d) Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp tự động ký số dữ liệu, trả kết quả xác minh thông tin và hiển thị thông báo đề cơ quan, tổ chức khai thác thông tin.

Điều 16. Xác minh thông tin lý lịch tư pháp

1. Quy trình xác minh thông tin được hệ thống kích hoạt ngay sau khi quá trình tự động tra cứu, đối soát dữ liệu phát hiện có thông tin cần làm rõ. Việc xác minh thông tin được thực hiện thông qua việc đối chiếu, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, cơ sở dữ liệu nghiệp vụ công an có liên quan và phối hợp xác minh thông tin tại các cơ quan có liên quan.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp tiến hành xác minh thông tin tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cơ sở dữ liệu nghiệp vụ công an có liên quan.

a) Trường hợp có thông tin đầy đủ kết luận tình trạng án tích, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp để hệ thống tự động kết xuất Phiếu lý lịch tư pháp hoặc cung cấp thông tin.

b) Trường hợp chưa có thông tin trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hoặc có thông tin nhưng thông tin chưa đầy đủ, rõ ràng hoặc có sự sai lệch thông tin, phối hợp các cơ quan có liên quan xác minh thông tin lý lịch tư pháp.

3. Căn cứ vào thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan có liên quan cung cấp, Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp tập hợp, đối chiếu, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

Điều 17. Xác thực Phiếu lý lịch tư pháp

1. Mỗi Phiếu lý lịch tư pháp được cấp 01 mã QR duy nhất để phục vụ việc kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của Phiếu lý lịch tư pháp. Cơ quan, tổ chức xác thực thông tin của Phiếu lý lịch tư pháp trên Hệ thống thông tin lý lịch tư pháp.

2. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan, tổ chức đăng nhập tài khoản định danh tổ chức và quét mã QR trên Phiếu lý lịch tư pháp. Hệ thống xác thực qua nền tảng định danh và xác thực điện tử;

b) Cơ quan, tổ chức nhập 04 trường thông tin: mã số Phiếu lý lịch tư pháp, họ tên, ngày sinh, giới tính của người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp và nhập mã xác thực để xem Phiếu lý lịch tư pháp đã cấp. Hệ thống sẽ xác nhận Phiếu lý lịch tư pháp hợp pháp, hợp lệ và hiển thị thông tin ngày cấp, Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Điều 18. Hiển thị thông tin lý lịch tư pháp trên Ứng dụng định danh quốc gia

1. Nội dung thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên Ứng dụng định danh quốc gia (Biểu mẫu số 09) gồm:

a) Thông tin chung về lý lịch tư pháp;

b) Thông tin chi tiết về tình trạng án tích, thông tin cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Luật Lý lịch tư pháp;

c) Thời gian cập nhật dữ liệu lần cuối.

2. Công dân Việt Nam sử dụng tài khoản định danh cá nhân mức độ 2 hoặc người nước ngoài có định danh để truy cập, xem thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên Ứng dụng định danh quốc gia. Cá nhân có thể yêu cầu cập nhật, chỉnh sửa thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên Ứng dụng định danh quốc gia khi phát hiện có thông tin chưa chính xác.

3. Ứng dụng định danh quốc gia chuyển yêu cầu cập nhật, chỉnh sửa thông tin lý lịch tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp để kiểm tra, xác minh, cập nhật lại thông tin lý lịch tư pháp trên Ứng dụng định danh quốc gia.

Chương IV **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIỂU MẪU LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

Điều 19. Các biểu mẫu lý lịch tư pháp (Phụ lục)

1. Lý lịch tư pháp (Biểu mẫu số 01).

2. Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp:

a) Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (dùng cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp) (Biểu mẫu số 02);

b) Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (dùng cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cha, mẹ, vợ, chồng, con, người mà mình giám hộ hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp) (Biểu mẫu số 03);

c) Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác (dùng cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp) (Biểu mẫu số 04);

d) Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác (dùng cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cha, mẹ, vợ, chồng, con, người mà mình giám hộ) (Biểu mẫu số 05).

3. Phiếu lý lịch tư pháp:

a) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (Biểu mẫu số 06);

b) Phiếu lý lịch tư pháp số 2 (Biểu mẫu số 07).

4. Quyết định hủy Phiếu lý lịch tư pháp đã cấp (Biểu mẫu số 08).

5. Thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên Ứng dụng định danh quốc gia (Biểu mẫu số 09).

6. Các văn bản giải quyết thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp:

a) Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Biểu mẫu số 10);

b) Phiếu yêu cầu bổ sung thông tin, hoàn thiện hồ sơ (Biểu mẫu số 11).

c) Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ (Biểu mẫu số 12).

d) Phiếu xin lỗi và đề nghị gia hạn thời gian giải quyết (Biểu mẫu số 13).

Điều 20. Quản lý, sử dụng biểu mẫu lý lịch tư pháp

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp ban hành, quản lý, tổ chức sử dụng các biểu mẫu lý lịch tư pháp. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu chịu trách nhiệm về việc sử dụng các biểu mẫu không đúng quy định của Thông tư này.

2. Các biểu mẫu được sử dụng và lưu trữ tại Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp dưới dạng văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử. Biểu mẫu lý lịch tư pháp sử dụng dưới dạng văn bản giấy được in trên giấy trắng, khổ giấy A4 (210mm x 297mm). Biểu mẫu lý lịch tư pháp dưới dạng dữ liệu điện tử có giá trị sử dụng như biểu mẫu lý lịch tư pháp bằng văn bản giấy.

3. Các biểu mẫu Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được đăng tải trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Các biểu mẫu Tờ khai điện tử tương tác được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Ứng dụng định danh quốc gia. Khi thực hiện yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp bằng hình thức trực tuyến, cá nhân thực hiện thông qua các biểu mẫu điện tử tương tác.

4. Các biểu mẫu Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu yêu cầu bổ sung thông tin, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ; Phiếu xin lỗi và đề nghị gia hạn thời gian giải quyết phục vụ quá trình giải quyết thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Sử dụng các biểu mẫu này theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị định số 216/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.

5. Biểu mẫu Phiếu lý lịch tư pháp

a) Thông tin về cá nhân người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đầy đủ, chính xác với Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

b) Thông tin về tình trạng án tích trong Phiếu lý lịch tư pháp số 1:

Đối với công dân Việt Nam không bị kết án, đã được xóa án tích, được coi là không có án tích, không bị coi là có án tích, tội phạm bị bãi bỏ thì ghi “Không có án tích”.

Đối với người nước ngoài không bị kết án, đã được xóa án tích, được coi là không có án tích, không bị coi là có án tích, tội phạm bị bãi bỏ thì ghi “Không có án tích trong thời gian cư trú tại Việt Nam”.

Đối với công dân Việt Nam đã bị kết án mà chưa đủ điều kiện xóa án tích thì ghi “Có án tích” và liệt kê thông tin bản án, tình trạng chấp hành án, nghĩa vụ dân sự (nếu có) theo trình tự thời gian.

Đối với người nước ngoài đã bị kết án mà chưa đủ điều kiện xóa án tích thì ghi “Có án tích trong thời gian cư trú tại Việt Nam” và liệt kê thông tin bản án, tình trạng chấp hành án, nghĩa vụ dân sự (nếu có) theo trình tự thời gian.

c) Thông tin về tình trạng án tích trong Phiếu lý lịch tư pháp số 2:

Đối với công dân Việt Nam không bị kết án, tội phạm bị bãi bỏ thì ghi tình trạng án tích “Không có án tích”.

Đối với người nước ngoài không bị kết án, tội phạm bị bãi bỏ thì ghi tình trạng án tích “Không có án tích trong thời gian cư trú tại Việt Nam”.

Đối với công dân Việt Nam và người nước ngoài đã bị kết án mà chưa đủ điều kiện xóa án tích thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

Đối với công dân Việt Nam và người nước ngoài đã được xóa án tích thì liệt kê thông tin bản án đã được xóa, tình trạng chấp hành án, nghĩa vụ dân sự (nếu có) theo trình tự thời gian, thời gian xóa án tích.

Đối với người được coi là không có án tích thì ghi tình trạng án tích “Không có án tích” (đối với công dân Việt Nam), “Không có án tích trong thời gian cư trú tại Việt Nam” (đối với người nước ngoài), ghi chú “Không có án tích theo quy định tại Điều 127 Luật Tư pháp người chưa thành niên”.

Đối với người không bị coi là có án tích thì ghi tình trạng án tích “Không có án tích” (đối với công dân Việt Nam), “Không có án tích trong thời gian cư trú tại Việt Nam” (đối với người nước ngoài), ghi chú “Không có án tích theo quy định tại Điều 69 Bộ luật Hình sự”.

d) Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã

Đối với người không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ghi “Không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã” (đối với công dân Việt Nam), “Không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian cư trú tại Việt Nam” (đối với người nước ngoài).

Đối với người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ghi “Bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã” (đối với công dân Việt Nam), “Bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian cư trú tại Việt Nam” (đối với người nước ngoài).

Điều 21. Chính sửa thông tin trong biểu mẫu lý lịch tư pháp

1. Chính sửa thông tin trong biểu mẫu lý lịch tư pháp phải được sự phê duyệt của Thủ trưởng Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc người được ủy quyền, thừa lệnh và lưu vết truy cập, chính sửa thông tin. Sau khi được phê duyệt, cán bộ được giao nhiệm vụ cập nhật, xử lý thông tin tiến hành cập nhật thông tin lý lịch tư pháp vào cơ sở dữ liệu.

2. Chính sửa thông tin trong Phiếu lý lịch tư pháp chưa ban hành phải có sự xác nhận của người có thẩm quyền và lưu vết xử lý thông tin. Chính sửa thông tin trong Phiếu lý lịch tư pháp đã ban hành phải tuân theo quy định về bổ sung, đính chính, thu hồi, hủy bỏ Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 và Thông tư số 06/2024/TT-BTP ngày 19/6/2024 của Bộ Tư pháp); Thông tư số 06/2013/TT-BTP ngày 06/2/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì những nội dung dẫn chiếu trong Thông tư này sẽ được thay đổi, áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

Hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp được tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 68/2020/QH14 và văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Cục Hồ sơ nghiệp vụ có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công an để hướng dẫn giải quyết. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an;
- Công báo;
- Lưu: VT, V06, V03.



Đại tướng Lương Tam Quang

PHỤ LỤC
DANH MỤC BIỂU MẪU LÝ LỊCH TƯ PHÁP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 101/2026/TT-BCA
ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an)

STT	Mẫu số	Tên biểu mẫu
1	01/2026/LLTP	Lý lịch tư pháp
2	02/2026/LLTP	Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (dùng cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp)
3	03/2026/LLTP	Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp (dùng cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cha, mẹ, vợ, chồng, con, người mà mình giám hộ hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp)
4	04/2026/LLTP	Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác (dùng cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp)
5	05/2026/LLTP	Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp điện tử tương tác (dùng cho cá nhân yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cha, mẹ, vợ, chồng, con, người mà mình giám hộ)
6	06/2026/LLTP	Phiếu lý lịch tư pháp số 1
7	07/2026/LLTP	Phiếu lý lịch tư pháp số 2
8	08/2026/LLTP	Quyết định hủy bỏ Phiếu lý lịch tư pháp đã cấp
9	09/2026/LLTP	Thông tin lý lịch tư pháp hiển thị trên Ứng dụng định danh quốc gia
10	10/2026/LLTP	Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
11	11/2026/LLTP	Phiếu yêu cầu bổ sung thông tin, hoàn thiện hồ sơ
12	12/2026/LLTP	Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ
13	13/2026/LLTP	Phiếu xin lỗi và đề nghị gia hạn thời gian giải quyết

LÝ LỊCH TƯ PHÁP**Định danh cá nhân****I. THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN**

Họ và tên		
Tên gọi khác (nếu có)		
Giới tính		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi đăng ký khai sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú		
Nơi tạm trú		
CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu	Số..... Cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....	
Họ tên cha		Ngày sinh
Họ tên mẹ		Ngày sinh
Họ tên vợ/chồng		Ngày sinh
Ghi chú ¹		

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ ÁN TÍCH:

Tình trạng án tích theo Điều 42 Luật Lý lịch tư pháp:.....

Tình trạng án tích theo Điều 43 Luật Lý lịch tư pháp:.....

Ghi chú:

III. THÔNG TIN CỤ THỂ VỀ ÁN TÍCH

1. NỘI DUNG BẢN ÁN		Ngày cập nhật thông tin	Người cập nhật
Số bản án			
Ngày tuyên án			
Tòa án đã tuyên bản án			
Tội danh – Điều khoản BLHS được áp dụng			
Hình phạt chính			
Hình phạt bổ sung (nếu có)			
Nghĩa vụ dân sự (nếu có)			
Biện pháp tư pháp (nếu có)			
Án phí			
Thời điểm chấp hành hình phạt chính			

¹ Tình trạng công dân: còn sống/đã chết

Ghi chú			
2. TÌNH TRẠNG THI HÀNH ÁN			
2.1. Quyết định thi hành bản án hình sự			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Thời điểm chấp hành hình phạt chính			
Ghi chú			
2.2. Quyết định miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn/phạt cải tạo không giam giữ			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Án phạt được miễn chấp hành			
Ngày được miễn			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.3. Quyết định miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Án phạt được miễn chấp hành			
Ngày được miễn			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.4. Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Thời gian được hoãn			
Ngày có hiệu lực			
Cơ quan, tổ chức theo dõi, quản lý			
Ghi chú			
2.5. Quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù/án phạt cải tạo không giam giữ			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Án phạt được giảm thời hạn chấp hành			
Thời gian được giảm			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			

2.6. Quyết định rút ngắn thời gian thử thách án treo			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Thời gian được rút ngắn			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.7. Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Thời gian tạm đình chỉ			
Ngày có hiệu lực			
Cơ quan theo dõi, quản lý			
Ghi chú			
2.8. Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù/án phạt cải tạo không giam giữ/thời gian thử thách án treo			
Số Giấy chứng nhận			
Ngày cấp chứng nhận			
Cơ quan chứng nhận			
Án phạt đã chấp hành xong			
Về nơi cư trú tại			
Hình phạt bổ sung tiếp tục phải chấp hành			
Ngày chấp hành xong án phạt			
Ghi chú			
2.9. Văn bản thông báo kết quả thi hành án phạt trực xuất			
Số văn bản			
Ngày ra thông báo			
Cơ quan ra thông báo			
Nội dung thông báo			
Ngày thi hành xong án phạt			
Ghi chú			
2.10. Quyết định tiếp nhận chuyển giao			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.11. Quyết định thi hành quyết định tiếp nhận chuyển giao/Thông báo về việc thực hiện quyết định dẫn độ			
Số văn bản			

Ngày ra văn bản			
Cơ quan ra văn bản			
Nội dung văn bản			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.12. Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước đi một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định			
Số văn bản			
Ngày ra văn bản			
Cơ quan chứng nhận			
Nội dung chứng nhận			
Ngày chấp hành xong án phạt			
Ghi chú			
2.13. Quyết định ân giảm án phạt tử hình			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.14. Quyết định thi hành án phạt tiền, án phạt tịch thu tài sản, án phí và nghĩa vụ dân sự khác			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Các khoản phải thi hành			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.15. Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu phải nộp ngân sách Nhà nước			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
2.16. Quyết định đình chỉ thi hành án dân sự			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày có hiệu lực			

Ghi chú			
2.17. Giấy xác nhận kết quả thi hành án dân sự			
Số văn bản			
Ngày ra văn bản			
Cơ quan xác nhận			
Nội dung xác nhận (toàn bộ/một phần)			
Nghĩa vụ dân sự còn phải thi hành (nếu có)			
Ghi chú			
2.18. Văn bản xác nhận đã chấp hành xong án phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự			
Số văn bản			
Ngày ra văn bản			
Cơ quan xác nhận			
Nội dung xác nhận			
Ngày chấp hành xong			
Ghi chú			
2.19. Giấy chứng nhận đặc xá			
Số giấy chứng nhận			
Ngày ra văn bản			
Cơ quan cấp giấy chứng nhận			
Đã chấp hành xong hình phạt tù theo quyết định đặc xá số			
Được đặc xá tha tù trước thời hạn kể từ ngày			
Về nơi cư trú tại			
Hình phạt bổ sung tiếp tục phải thi hành			
Ghi chú			
2.20. Giấy chứng nhận đại xá			
Số giấy chứng nhận			
Ngày ra văn bản			
Cơ quan cấp giấy chứng nhận			
Được miễn trách nhiệm hình sự theo quyết định đại xá số			
Được đại xá tha tù trước thời hạn kể từ ngày			
Về nơi cư trú tại			
Ghi chú			
2.21. Quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo khác			
Tên văn bản:			
Số văn bản			
Ngày ra văn bản			
Cơ quan ban hành văn bản			

Nội dung văn bản			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
3. GIÁM ĐỐC THẨM/TÁI THẨM			
3.1. Quyết định giám đốc thẩm			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ghi chú			
3.2. Quyết định tái thẩm			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ghi chú			
4. HÀNH VI PHẠM TỘI MỚI			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Cơ quan ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ghi chú			
5. XÓA ÁN TÍCH			
5.1. Quyết định xóa án tích			
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			
Tòa án ra quyết định			
Nội dung quyết định			
Ngày có hiệu lực			
Ghi chú			
5.2. Xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích			
Ngày xác minh			
Nơi thực hiện xác minh			
Kết quả xác minh			
Căn cứ			
Ghi chú			

IV. THÔNG TIN VỀ CẢM ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ, THÀNH LẬP, QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ

NỘI DUNG THÔNG TIN		Ngày cập nhật	Người cập nhật
Số Quyết định			
Ngày ra quyết định			

Tòa án ra quyết định			
Chức vụ bị cấm đảm nhiệm			
Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã			
Ghi chú			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Kính gửi:¹

1. Họ và tên:
2. Tên gọi khác (nếu có): 3. Giới tính:
4. Ngày, tháng, năm sinh:
5. Nơi đăng ký khai sinh:
6. Quốc tịch: 7. Dân tộc:
8. Nơi thường trú:
9. Nơi tạm trú:
10. Nơi ở hiện nay:
11. CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu.....
Số:
Cấp ngày tháng năm Nơi cấp:
12. Họ tên cha:
13. Họ tên mẹ:
14. Họ tên vợ/chồng:
15. Số điện thoại: E-mail:
16. Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp Số 1 ☐ Số 2 ☐
17. Yêu cầu xác nhận về nội dung đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản (trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1): Có ☐ Không ☐
18. Hình thức, phương thức nhận kết quả:

- Nhận Phiếu lý lịch tư pháp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp	☐
- Nhận Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính Địa chỉ nhận kết quả:	☐
- Nhận Phiếu lý lịch tư pháp qua thư điện tử (email)	☐

¹ Ở cấp bộ ghi "Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Bộ Công an"; ở cấp tỉnh ghi "Công an tỉnh....."

19. Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp phiếu.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của mình./.

....., ngày tháng năm

Người khai

(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.

(8), (9), (10): Ghi rõ nơi thường trú, tạm trú, nơi ở hiện nay; trường hợp không xác định được nơi thường trú thì ghi nơi tạm trú tại thời điểm yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp; trường hợp không xác định được nơi thường trú, tạm trú tại thời điểm yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì ghi nơi ở hiện nay.

(11): Ghi rõ loại giấy tờ.

(12), (13), (14): Ghi rõ họ tên đầy đủ; trường hợp không có thông tin thì ghi “/”.

(18): Ghi đầy đủ địa chỉ nhận kết quả và thực hiện nộp phí dịch vụ bưu chính trong trường hợp nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Kính gửi:¹

1. Họ và tên:

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu.....

Số:

Cấp ngày tháng nămNơi cấp:

4. Địa chỉ liên hệ:

5. Số điện thoại:E-mail:

6. Mối quan hệ với người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp:

7. Văn bản ủy quyền ký ngày tháng năm

Tôi khai Tờ khai này yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người có thông tin dưới đây:

8. Họ và tên:

9. Tên gọi khác (nếu có): 10. Giới tính:

11. Ngày, tháng, năm sinh:

12. Nơi đăng ký khai sinh:

13. Quốc tịch: 14. Dân tộc:

15. Nơi thường trú:

16. Nơi tạm trú:

17. Nơi ở hiện nay:

18. CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu.....

Số:

Cấp ngày tháng năm Nơi cấp:

19. Họ tên cha:

20. Họ tên mẹ:

¹ Ở cấp bộ ghi "Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Bộ Công an"; ở cấp tỉnh ghi "Công an tỉnh....."

21. Họ tên vợ/chồng:

22. Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp: Số 1 ☐ Số 2 ☐

23. Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1: Có ☐ Không ☐

24. Hình thức, phương thức nhận kết quả:

- Nhận Phiếu lý lịch tư pháp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp	☐
- Nhận Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính Địa chỉ nhận kết quả:	☐
- Nhận Phiếu lý lịch tư pháp qua thư điện tử (email)	☐

25. Số lượng Phiếu lý lịch tư pháp yêu cầu cấp: phiếu

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của mình./.

....., ngày ... tháng ... năm

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1), (8): Ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.

(3), (18): Ghi rõ loại giấy tờ.

(7): Ghi rõ ngày, tháng, năm theo văn bản ủy quyền. Trường hợp không có văn bản ủy quyền thì bỏ trống.

(15), (16), (17): Ghi rõ nơi thường trú, tạm trú, nơi ở hiện nay; trường hợp không xác định được nơi thường trú thì ghi nơi tạm trú tại thời điểm yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp; trường hợp không xác định được nơi thường trú, tạm trú tại thời điểm yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì ghi nơi ở hiện nay.

(19), (20), (21): Ghi rõ họ tên đầy đủ; trường hợp không có thông tin thì ghi “/”.

(24): Ghi đầy đủ địa chỉ nhận kết quả và thực hiện nộp phí dịch vụ bưu chính trong trường hợp nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính..

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC

1. Họ và tên:
2. Tên gọi khác (nếu có): 3. Giới tính:
4. Ngày, tháng, năm sinh:
5. Nơi đăng ký khai sinh:
6. Quốc tịch: 7. Dân tộc:
8. Nơi thường trú:
9. Nơi tạm trú:
10. Nơi ở hiện nay:
11. CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu
Số:
Cấp ngày tháng năm Nơi cấp:
12. Họ tên cha:
13. Họ tên mẹ:
14. Họ tên vợ/chồng:
15. Số điện thoại: E-mail:
16. Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp: Số 1 ☐ Số 2 ☐
17. Yêu cầu xác nhận về nội dung cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản (trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1): Có ☐ Không ☐

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của mình./.

Ghi chú:

Từ (1) đến (15): Các thông tin khai thác được từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu. Trường hợp không khai thác được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải kê khai đầy đủ thông tin.

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu.....
- Số:
- Cấp ngày tháng năm Nơi cấp:
4. Địa chỉ liên hệ:
5. Số điện thoại:E-mail:
6. Mối quan hệ với người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp:
- Tôi khai Tờ khai này yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người có thông tin dưới đây:**
7. Họ và tên:
8. Tên gọi khác (nếu có): 9. Giới tính:
10. Ngày, tháng, năm sinh:
11. Nơi đăng ký khai sinh:
12. Quốc tịch: 13. Dân tộc:
14. Nơi thường trú:
15. Nơi tạm trú:
16. Nơi ở hiện nay:
17. CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu.....
- Số:
- Cấp ngày tháng năm Nơi cấp:
18. Họ tên cha:
19. Họ tên mẹ:
20. Họ tên vợ/chồng:
21. Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp: Số 1 ☐ Số 2 ☐
22. Yêu cầu xác nhận về nội dung đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã theo quyết định tuyên bố phá sản (trong trường hợp yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1): Có ☐ Không ☐
- Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của mình./.

Ghi chú:

Từ (1) đến (20): Các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người yêu cầu cấp Phiếu không cần kê khai. Trường hợp không khai thác được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải kê khai đầy đủ thông tin.

.....
.....¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 68/2020/QH14 và Luật số 107/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 216/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 101/2026/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và sử dụng biểu mẫu lý lịch tư pháp;

XÁC NHẬN:

1. Họ và tên:
2. Tên gọi khác:3. Giới tính:
4. Ngày, tháng, năm sinh:
5. Nơi đăng ký khai sinh:
6. Quốc tịch:7. Dân tộc:
8. CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu.....
Số:
- Cấp ngày tháng năm Nơi cấp:
9. Nơi thường trú:
10. Nơi tạm trú:
11. Nơi ở hiện nay:.....
12. Tình trạng án tích:

Bản án số /..... ngày tháng..... năm.....
của

Tội danh của Bộ luật Hình sự được áp dụng:

.....
.....
.....

Hình phạt chính:

.....

.....

Hình phạt bổ sung:

.....

.....

13. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã:

.....

Quyết định số ngày tháng năm.....

của

Chức vụ bị cấm đảm nhiệm:

Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

.....

14.

Mã QR

Ghi chú:

¹ Tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp

(1): Ghi rõ bằng chữ in hoa, đủ dấu.

(8): Ghi rõ thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước hoặc hộ chiếu.

(9), (10), (11): Ghi rõ nơi thường trú, tạm trú, nơi ở hiện nay; trường hợp không xác định được nơi thường trú thì ghi nơi tạm trú tại thời điểm yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp; trường hợp không xác định được nơi thường trú, tạm trú tại thời điểm yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì ghi nơi ở hiện nay.

(12): Trường hợp tình trạng án tích là có án tích, ghi đầy đủ nội dung trong khung; trường hợp tình trạng án tích là không có án tích, bỏ trống nội dung trong khung.

(13): Trường hợp không có yêu cầu xác nhận thông tin cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì bỏ trống.

(14): Tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp và người ký Phiếu lý lịch tư pháp.

.....
¹

 Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 2

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 68/2020/QH14 và Luật số 107/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 216/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 101/2026/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và sử dụng biểu mẫu lý lịch tư pháp;

XÁC NHẬN:

1. Họ và tên:
2. Tên gọi khác:3. Giới tính:
4. Ngày, tháng, năm sinh:
5. Nơi đăng ký khai sinh:
6. Quốc tịch:7. Dân tộc:
8. CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu.....
- Số:
- Cấp ngày tháng năm Nơi cấp:
9. Nơi thường trú:
10. Nơi tạm trú:
11. Nơi ở hiện nay:
12. Họ và tên cha:
13. Họ và tên mẹ:
14. Họ và tên vợ/chồng:
15. Tình trạng án tích:

Bản án số/..... ngày..... tháng.....năm
 của
 Tội danh, điều khoản của Bộ luật Hình sự được áp dụng:

Hình phạt chính:
Hình phạt bổ sung:
Biện pháp tư pháp:
Án phí:
Nghĩa vụ dân sự:
Tình trạng thi hành án:
Xóa án tích:
Ghi chú:

16. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã:

Quyết định số ngày tháng năm của
Chức vụ bị cấm đảm nhiệm:
Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã:

Mã QR

17

Ghi chú:

¹ Tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp

(1): Ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.

(8): Ghi rõ thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước hoặc hộ chiếu.

(9), (10), (11): Ghi rõ nơi thường trú, tạm trú, nơi ở hiện nay; trường hợp không xác định được nơi thường trú thì ghi nơi tạm trú tại thời điểm yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp; trường hợp không xác định được nơi thường trú, tạm trú tại thời điểm yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp thì ghi nơi ở hiện nay.

(12), (13), (14): Ghi rõ họ tên đầy đủ; trường hợp không có thì ghi “/”.

(15): Trường hợp không có án tích, ghi “Không có án tích” hoặc “Không có án tích trong thời gian cư trú tại Việt Nam”, không ghi nội dung trong khung. Trường hợp có án tích, ghi rõ nội dung trong khung, thông tin nào không có thì ghi “/”, thông tin chưa xác định được thì bỏ trống.

(16): Trường hợp không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì không ghi nội dung trong khung.

(17): Tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp và người ký Phiếu lý lịch tư pháp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....
.....¹

Số:

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH HỦY BỎ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐÃ CẤP

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 68/2020/QH14 và Luật số 107/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 216/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 101/2026/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, trình tự, thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và sử dụng biểu mẫu lý lịch tư pháp;

Xét Phiếu lý lịch tư pháp số.....ngày..... tháng..... năm.....
của.....¹ đã cấp cho người có thông tin sau:

Họ và tên:²

Tên gọi khác:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi đăng ký khai sinh:

Quốc tịch: Dân tộc:

CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu.....³

Số:

Cấp ngày tháng năm Nơi cấp:

Nhận thấy:.....⁴

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy Phiếu lý lịch tư pháp số.....ngày.... tháng năm
củađối với Ông/Bà.....

Điều 2. Cấp mới Phiếu lý lịch tư pháp số..... ngày.....tháng.... năm
cho Ông/Bà

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

² Họ tên của người nộp hồ sơ xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.

³ Ghi rõ thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước hoặc hộ chiếu.

⁴ Ghi rõ nội dung không chính xác trên Phiếu lý lịch tư pháp đã cấp.

THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP HIỂN THỊ TRÊN ỨNG DỤNG ĐỊNH DANH QUỐC GIA VNEID

I. THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN

Định danh cá nhân	
Họ và tên	
Ngày, tháng, năm sinh	

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Tình trạng án tích ¹	
Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã	
Thời gian cập nhật lần cuối	

III. THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP THEO PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1

Tình trạng án tích ¹ : Bản án số/..... ngày tháng..... năm..... của..... Tội danh của Bộ luật hình sự được áp dụng: Hình phạt chính: Hình phạt bổ sung: Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã: Quyết định số ngày tháng năm của Chức vụ bị cấm đảm nhiệm: Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã:
--

IV. THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP THEO PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 2

Tình trạng án tích ² : Bản án số/..... ngày tháng..... năm..... của..... Tội danh của Bộ luật hình sự được áp dụng:

Hình phạt chính:

Hình phạt bổ sung:

Biện pháp tư pháp:

Án phí:

Nghĩa vụ dân sự:

Tình trạng thi hành án:

Xóa án tích:

Ghi chú:

Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã:

Quyết định số ngày tháng năm
của

Chức vụ bị cấm đảm nhiệm:

Thời hạn không được thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã:

¹ Theo Điều 42 Luật Lý lịch tư pháp

² Theo Điều 43 Luật Lý lịch tư pháp

.....
¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:

.....¹ tiếp nhận hồ sơ yêu cầu cấp
 Phiếu Lý lịch tư pháp của Ông/Bà:²
 CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu³
 Số:
 Cấp ngày tháng năm Nơi cấp:
 Người được ủy quyền nộp hồ sơ:
 Địa chỉ:
 Số điện thoại: E-mail:
 Nội dung yêu cầu giải quyết:⁴
 Thành phần hồ sơ nộp gồm:

STT	Tên giấy tờ có trong hồ sơ	Loại giấy tờ	Số lượng
1			
2			
3			
4			

Thời gian nhận hồ sơ: giờ phút, ngày tháng năm

Biên lai thu phí số:

Thời gian dự kiến trả kết quả giải quyết hồ sơ: giờ phút, ngày tháng năm

Đăng ký nhận kết quả tại:

Vào sổ theo dõi hồ sơ, Quyền số Số thứ tự

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
 (Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
 (Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

² Tên của người nộp hồ sơ xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.

³ Ghi rõ thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước hoặc hộ chiếu.

⁴ Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 hoặc Phiếu lý lịch tư pháp số 2

Lưu ý: Khi đến nhận kết quả, đề nghị Quý khách mang theo Phiếu này và giấy tờ tùy thân (kèm VISA nếu là người nước ngoài)

.....
¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG THÔNG TIN, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp của Ông/Bà:²

CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu.....³

Số:

Cấp ngày tháng năm Nơi cấp:

Mã hồ sơ (nếu có):

Địa chỉ:

Số điện thoại: E-mail:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

STT	Tên giấy tờ cần bổ sung, hoàn thiện
1	
2	
3	
4	

Lý do:

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả,¹, số điện thoại: để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

² Tên của người nộp hồ sơ xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.

³ Ghi rõ thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước hoặc hộ chiếu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

.....¹ đã xem xét hồ sơ yêu cầu cấp
Phiếu lý lịch tư pháp của Ông/Bà:²
CCCD/ CC/ Chứng nhận căn cước/ Hộ chiếu.....³
Số:
Cấp ngày tháng năm Nơi cấp:
Địa chỉ:
Số điện thoại: E-mail:
Mã hồ sơ (nếu có):

Qua xem xét, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể sau:

.....
.....
.....
.....
.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

² Tên của người nộp hồ sơ xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.

³ Ghi rõ thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc giấy chứng nhận căn cước hoặc hộ chiếu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

PHIẾU XIN LỖI VÀ ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN GIẢI QUYẾT

Mã hồ sơ:

Ngày..... tháng..... năm.....,¹
đã tiếp nhận giải quyết hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của Ông/Bà:²

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết hồ sơ:giờ....., ngày.....tháng.....năm.....

Tuy nhiên đến nay,¹ chưa trả kết quả giải quyết hồ sơ của Ông/Bà đúng thời hạn quy định ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.

Lý do:

Sự chậm trễ này đã gây phiền hà, tốn kém chi phí, công sức của Ông/Bà.

.....¹ xin lỗi Ông/Bà và hẹn lại ngày trả kết quả giải quyết hồ sơ cho Ông/Bà vào ngày tháng năm

Mong nhận được sự thông cảm của Ông/Bà, tổ chức vì sự chậm trễ này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

² Tên của người nộp hồ sơ xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp ghi bằng chữ in hoa, đủ dấu.